

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ DÂN TỘC XUYÊN QUỐC GIA CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI TẠI CHỖ VÙNG TÂY NGUYÊN

NGUYỄN CÔNG THẢO

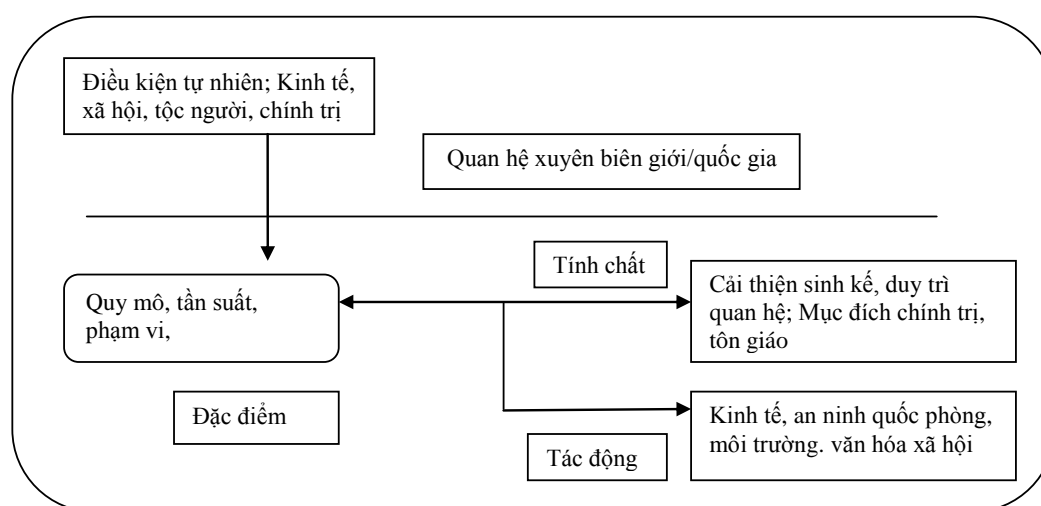
1. Khung phân tích và lý thuyết

1.1. Khung phân tích

Đề tài “*Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người tại chỗ vùng Tây Nguyên*” (QHDTXQG) nằm trong khuôn khổ hệ đề tài cấp Bộ của Viện Dân tộc học được tiến hành trong 2 năm 2013 - 2014 với 3 mục tiêu cụ thể sau: (1) Nhận diện, đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng phát triển của QHDTXQG vùng Tây Nguyên; (2) Xem xét, phân tích những yếu tố tác động tích cực và tiêu cực của QHDTXQG; (3) Xây dựng cơ sở khoa học cho chính sách phát triển và

quản lý có hiệu quả QHDTXQG và vấn đề biên giới ở Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin được thống nhất, việc phân tích được hệ thống và những kiến giải từ nghiên cứu mang tính thuyết phục, một khung phân tích đã được xây dựng trước khi nhóm nghiên cứu tiến hành điền dã và được điều chỉnh, hoàn thiện thêm sau quá trình nghiên cứu thực địa. Trên cơ sở khung phân tích chung của đề tài¹, khung phân tích này sẽ cụ thể hóa và điều chỉnh đôi chỗ để phù hợp với điều kiện thực tế tại địa bàn nghiên cứu ở các tỉnh Tây Nguyên.

KHUNG PHÂN TÍCH



¹ Để xem chi tiết hơn, xin tham khảo bài của nhóm tác giả Vương Xuân Tình, Trần Minh Hằng, Vũ Đình Mười, Nguyễn Công Thảo in trong số chuyên đề này.

Theo khung phân tích trên, các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, chính trị có ảnh hưởng đến đặc điểm và tính chất của mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia. Mối quan hệ giữa đặc điểm và tính chất là mối quan hệ hai chiều, tác động qua lại. Với mỗi tính chất, đặc điểm cụ thể, mối quan hệ này sẽ có những tác động nhất định trên nhiều phương diện đến cộng đồng địa phương cũng như mạng lưới xã hội rộng lớn hơn. Có thể nhìn vào ví dụ cụ thể ở mối quan hệ tộc người xuyên biên giới, một khía cạnh quan trọng của quan hệ tộc người xuyên quốc gia để thấy rõ điều này. Khi ở một khu vực vùng biên có điều kiện giao thông thuận lợi (điều kiện tự nhiên), cửa khẩu quốc tế (chính sách, kinh tế), mạng lưới kinh tế cung cầu năng động, thường xuyên, phân định rõ ràng ở mỗi phía (điều kiện kinh tế), sự hiện diện của một cộng đồng tộc người có chung yếu tố nguồn gốc, lịch sử, văn hóa ở cả hai phía (xã hội, tộc người) và đặc biệt là mối quan hệ giữa hai quốc gia có chung đường biên ấy hữu hảo, hợp tác (chính trị), thì mối quan hệ tộc người xuyên biên giới ở khu vực sẽ rất phát triển. Mức độ phát triển biểu hiện qua việc mối quan hệ ấy sẽ diễn ra thường xuyên, trên mọi phiên diện, cụ thể là:

Quy mô của mối quan hệ diễn ra trong phạm vi nào? Giữa cá nhân, gia đình, dòng họ hay cả cộng đồng? Phạm vi quan hệ diễn ra giữa thôn buôn bên này với thôn buôn bên kia biên giới/quốc gia hay ở cấp độ rộng hơn là huyện, tỉnh, vùng hay quốc gia? Đối tượng tham gia là nam hay nữ, thanh niên hay trung niên? Mối quan hệ diễn ra hàng ngày, hàng tuần hay hàng tháng; được duy trì qua con đường nào: qua cửa khẩu; qua đường mòn, liên lạc qua phương tiện thông tin?

Làm rõ được đặc điểm của mối quan hệ tại một cộng đồng cụ thể sẽ cho phép ta

nhận diện được tính chất của mối quan hệ đó. Ấy là việc mỗi quan hệ đó nhằm mục đích gì? Đơn giản là thăm thân, duy trì quan hệ tộc người hay kết hợp buôn bán; có hay không việc chia sẻ niềm tin tôn giáo hay hướng đến các mục đích chính trị nào đó? Đây là những nội dung cực kỳ cần thiết không chỉ đối với nhà khoa học mà đặc biệt có ý nghĩa với các nhà hoạch định chính sách, quản lý nhà nước.

1.2. Lý thuyết

Quan hệ xuyên biên giới, xuyên quốc gia là chủ đề được các nhà Địa lý học Chính trị châu Âu tiên phong nghiên cứu và đặc biệt phát triển từ một vài thập kỉ trở lại đây (Newman và Paasi, 1998; Houtum, 2000). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng mối quan hệ xuyên biên giới, xuyên quốc gia của nhiều cộng đồng ở châu Âu chịu chi phối mạnh bởi chính sách của Nhà nước, lịch sử tộc người, cũng như các điều kiện kinh tế, xã hội khác và đồng thời nó cũng có tác động đa chiều ngược trở lại với khu vực biên giới hay cộng đồng tham gia vào mối quan hệ đó. Điều này là bởi biên giới không chỉ đơn thuần là ranh giới chính trị mà nó còn đồng thời là không gian, đường định ranh cho bản sắc văn hóa, bản sắc tộc người giữa các quốc gia (Newman và Paasi, 1998). Chính vì thế, các nghiên cứu xuyên biên giới cần phải phân biệt được ranh giới tự nhiên và phi tự nhiên đó và để làm được điều này cần tìm hiểu nội hàm của khái niệm biên giới trong nhận thức của chính người dân tại chỗ (Houtum, 2000). Trong phạm vi châu Á, qua nghiên cứu mối quan hệ tộc người xuyên biên giới ở Trung Quốc, có học giả đã tổng kết mối quan hệ này thường biểu hiện qua 1 trong 7 hình thức sau: *thân duyên* (quan hệ thân tộc, bạn bè); *địa duyên* (quan hệ láng giềng); *nghiệp duyên* (quan hệ nghề nghiệp);

vật duyên (quan hệ làm ăn, buôn bán); *thần duyên* (quan hệ tôn giáo, tín ngưỡng); *ngữ duyên* (quan hệ ngôn ngữ); *chính duyên* (quan hệ chính trị) (Hoàng Quang Thành, 2007). Tổng kết này đã chỉ ra bức tranh đa diện về mối quan hệ tộc người xuyên biên giới và để nhận diện mối quan hệ đó một cách đầy đủ, cần phải tiếp cận, diễn giải chúng trong tổng thể nhiều phương diện quan trọng khác nhau.

Kế thừa các nghiên cứu trên, kết hợp với tình hình thực tế tại 4 điểm khảo sát, nghiên cứu này giả định 4 yếu tố chính có ảnh hưởng đến mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia, bao gồm: Điều kiện tự nhiên; Lịch sử tộc người; Kinh tế - xã hội; Chính sách. Giả định đặt ra là cung bậc tác động của các yếu tố này ở 4 điểm nghiên cứu là khác nhau và đây chính là nguyên nhân căn bản dẫn đến sự khác biệt về đặc điểm, tính chất mối quan hệ của mỗi tộc người. Trong điều tra bảng hỏi cũng như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên được tiến hành để đảm bảo tính khách quan. Điều này xuất phát từ quan niệm về tính đa chiều của mối quan hệ xuyên quốc gia bởi lẽ nhiều trường hợp chưa từng qua biên giới nhưng vẫn duy trì mối quan hệ với đồng tộc, bạn bè ở phía bên kia đường biên cũng như ở các nước khác.

Bài viết này cung cấp một vài phát hiện ban đầu rút ra từ nghiên cứu thực địa, tập trung phác họa *những nguyên nhân căn bản có tác động tới việc hình thành, phát triển của mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia* ở 4 điểm nghiên cứu.

2. Giới thiệu điểm nghiên cứu

Để làm sáng tỏ 3 mục tiêu đề xuất, nhóm thực hiện đề tài đã tiến hành nghiên cứu tài liệu, đi thực địa tại 4 xã thuộc 4 tỉnh:

Thuận An (huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông), Krông Na (huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk), Ia Dom (huyện Đứk Cơ, tỉnh Gia Lai) và Đăk Nông² (huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum), trực tiếp khảo sát ở 4 tộc người: Mnông, Ê-đê, Gia-rai và Giê-Triêng trong hai năm 2013 và 2014.

Việc lựa chọn 4 điểm trên được tiến hành qua nghiên cứu tài liệu, kết hợp với tham vấn từ chính quyền địa phương. Đặc điểm chung của 4 xã này là cùng có đường biên giới với nước Lào hoặc Campuchia; không cách quá xa trung tâm hành chính huyện và cửa khẩu biên giới; có hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối thuận lợi; nền kinh tế hàng hóa bước đầu phát triển; một vài tộc người cư trú ở cả Việt Nam và nước láng giềng; và diện tích rừng tự nhiên hầu như không còn.

Phát hiện ban đầu cho thấy mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia của các tộc người ở 4 điểm nghiên cứu chủ yếu diễn ra ở phạm vi xuyên biên giới với bà con đồng tộc ở Lào và Campuchia. Quan hệ với một số rất ít ở các quốc gia khác như Mỹ, Nhật, Canada được ghi nhận, nhưng không thực sự nổi bật. Mối quan hệ xuyên biên giới đậm nét nhất ở hai xã Ia Dom và Thuận An, trong đó Thuận An là nơi có tỷ lệ trả lời đã từng qua biên giới cao nhất với 3,7%. Xét về tổng thể, quan hệ xuyên quốc gia ở Ia Dom tiềm ẩn nhiều thách thức cho phát triển kinh tế bền vững, ổn định trật tự xã hội hơn cả. Nguyên nhân của thực trạng này là do các điều kiện khách quan, chủ quan khác nhau sẽ được phân tích ở những phần tiếp theo của bài viết.

² Đây là một xã thuộc huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, có tên trùng với tỉnh Đăk Nông.

Bảng 1. Một số đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội tại 4 điểm nghiên cứu

| Xã | Thuận An (dân tộc Mnông) | Krông Na (dân tộc Ê-đê) | Ia Dom (dân tộc Gia-rai) | Đắk Nông (dân tộc Giê-Triêng) |
|---------------------------|---|---|---|---|
| Điều kiện tự nhiên | Gần trung thị trấn huyện; có 14km đường biên giới; giao thông thuận lợi; diện tích rừng không còn | Nằm ven sông Sê Rê Pốc; giao thông thuận lợi, cách thị trấn huyện chừng 20km; rừng không còn | Địa hình bằng phẳng; cách cửa khẩu Tân Thanh chừng 10km; giao thông thuận lợi; diện tích rừng không còn | Giao thông thuận lợi; cách cửa khẩu chừng 100km; rừng không còn |
| Kinh tế | Cà phê phát triển mạnh, là cây trồng chính; sắn, ngô và lúa ít; phân hóa giàu nghèo khá rõ nét | Lúa và ngô là hai cây trồng chính; thương mại dịch vụ bắt đầu phát triển | Điều, cao su, sắn là những cây trồng chính; phân hóa giàu nghèo bắt đầu rõ nét | Cây sắn phát triển mạnh, là cây trồng chính; ngô, lúa, cà phê ít |
| Văn hóa - xã hội | 95% người dân theo Tin Lành; giao lưu và ảnh hưởng mạnh bởi văn hóa Kinh | Giao lưu và ảnh hưởng mạnh bởi văn hóa Kinh; có sự giao thoa văn hóa giữa hai tộc người Mnông và Ê-đê | Các yếu tố văn hóa tộc người còn khá đậm nét | Phân hóa giàu nghèo chưa rõ ràng; ảnh hưởng của văn hóa Kinh trở nên phổ biến |

Nguồn: Kết quả khảo sát thực địa 2013, 2014.

3. Những yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc xuyên quốc gia

3.1. Điều kiện tự nhiên

Quan hệ tộc người xuyên biên giới giữ vị trí chủ đạo, phổ biến nhất khi nói về quan hệ tộc người xuyên quốc gia (Houtum, 2000). Trong khi đó, điều kiện tự nhiên là một trong những yếu tố chính có ảnh hưởng quan trọng đến mức độ, phạm vi, tần suất qua lại biên giới của các cộng đồng đến từ hai phía đường biên. Những biểu hiện cụ thể

của điều kiện tự nhiên bao gồm hệ thống giao thông, khoảng cách địa lý, địa hình và mức độ thuận tiện cho việc đi lại.

Trong 4 tỉnh khảo sát, tỉnh Kon Tum có tổng chiều dài đường biên giới dài nhất với chừng 280km, ngắn nhất là Đắk Lắk với chừng 73km. Xã có đường biên dài nhất là Đắk Nông với chừng 50km; ngắn nhất là Thuận An với khoảng 14km. Xã Ia Dom và Thuận An không chỉ nằm gần cửa khẩu biên giới nhất (khoảng 10 - 14km) mà đồng thời nằm dọc hai quốc lộ 19 và 14A với điều kiện

giao thông khá thuận lợi. Đường biên giới ở mỗi xã này trải dài chừng trên 10km với hệ thống đường hành lang dọc đường biên đã được xây dựng từ giữa những năm 2000. Trong khi đó, hai xã Đăk Nông và Krông Na nằm xa cửa khẩu hơn (từ 30 đến 100km) với hệ thống giao thông đi lại chưa thực sự thuận lợi, đặc biệt là ở Krông Na, nơi người dân nếu muốn phải bắt xe khách vượt qua hàng trăm km để làm thủ tục xuất cảnh qua cửa khẩu ở huyện khác.

Ở phía bên kia biên giới, giáp với Ia Dom là tỉnh Ratanakiri, giáp với Thuận An là tỉnh Mondulakiri. Đây là hai tỉnh thưa dân, thuộc diện nghèo nhất của Campuchia nhưng lại là khu vực còn nhiều diện tích rừng tự nhiên. Tính đến cuối những năm 1990, ở Ratanakiri độ che phủ của rừng vẫn chiếm khoảng 70 - 80% (Bann, 2008). Theo kết quả phỏng vấn những người từng sang bên kia biên giới ở hai xã này thì diện tích rừng ở phía Campuchia hiện nay vẫn còn đáng kể và đây cũng là một trong những động lực thúc đẩy người dân từ phía Việt Nam sang khai thác, vận chuyển gỗ thuê. Trong khi đó, theo đánh giá của người dân, khu vực biên giới Campuchia giáp với xã Krông Na và Đăk Nông có hệ thống sông ngòi dày đặc, địa hình phức tạp, là trở ngại lớn cho việc đi lại thường xuyên.

3.2. Lịch sử tộc người

Những khảo cứu dân tộc học trước đây đã chỉ ra thực tế một số tộc người ở các tỉnh Tây Nguyên có quan hệ họ hàng, đồng tộc với người thân ở Lào và Campuchia như Mnông, Gia-rai, Lào, Ba-na, Xơ-đăng, Giê-Triêng, Ê-đê (Dournes, 2002). Tại Campuchia, tính đến năm 2008 có khoảng 37.500 người Mnông sinh

sống, trong đó 80% cư trú ở tỉnh Mondulakiri - tỉnh giáp biên giới với hai tỉnh Đăk Nông và Đăk Lăk của Việt Nam (<http://www.ethnologue.com/country/KH/languages>). Trong lịch sử phát triển của mình, các tộc người này đã trải qua nhiều lần dịch chuyển địa bàn cư trú. Ví dụ cụ thể là một bộ phận người Mnông ở Thuận An di cư sang Việt Nam cư trú cuối những năm 1970 để trốn chạy nạn diệt chủng. Giữa những năm 1980, khi hiệp định biên giới Việt Nam - Campuchia được ký kết, một bộ phận lại di cư trở lại Campuchia. Đến đầu thế kỷ XXI, một bộ phận người Mnông ở Việt Nam di cư sang Mỹ theo hình thức tị nạn chính trị (Waddington, 2002). Tương tự như thế, trước năm 1979, khá nhiều người Giê-Triêng ở xã Đăk Nông vốn cư trú bên Lào. Khi hiệp định biên giới được ký kết, một bộ phận trở về Việt Nam sinh sống. Quá trình chuyển dịch địa bàn cư trú, phân tách tộc người này diễn ra với số ít người Gia-rai ở Ia Dom vào cuối những năm 1980. Đối với người Ê-đê, quá trình này diễn ra từ khá lâu đến mức người dân không còn nhớ chính xác mốc thời gian.

Thực trạng này dẫn đến sự tồn tại của mối quan hệ thân tộc xuyên biên giới của các tộc người này. Kết quả điều tra bảng hỏi cho thấy 81,7% người trả lời ở Thuận An thừa nhận có bà con họ hàng hiện đang sinh sống ở một quốc gia khác. Tỷ lệ này là 29,6% ở Ia Dom; 28,4% ở Krông Na; 22,4% ở Đăk Nông. Ba quốc gia phổ biến nhất là Campuchia, Lào và Mỹ.

Việc phân tách chưa quá lâu ở một bộ phận người Mnông hay Gia-rai ở Ia Dom và Thuận An (so với người Ê-đê hay Giê-Triêng) góp phần lý giải cho mối quan

hệ với bà con của họ ở bên Lào và Campuchia vẫn còn tương đối chặt chẽ. Không ít người dân ở hai xã này có họ hàng gần, thậm chí là anh em ruột cư trú ở bên kia biên giới. Việc qua lại thăm thân khi có người đau ốm hay dự tang ma, cưới xin rất phổ biến ở hai xã trên cũng một phần xuất phát từ thực tế này.

3.3. Điều kiện kinh tế - xã hội

Không chỉ có điều kiện giao thông, vị trí địa lý thuận lợi hơn, tỷ lệ nghèo ở Ia Dom

và Thuận An cũng thấp hơn nhiều so với hai xã còn lại. Đặc biệt, tỷ lệ nghèo ở xã Đăk Nông cao hơn 8 lần so với ở Thuận An. Điều đáng lưu ý là diện tích đất canh tác bình quân đầu người ở Đăk Nông lại cao hơn so với Thuận An. Điều đó cho thấy, ngay ở những xã vùng cao, nơi sản xuất nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo, diện tích đất sản xuất không nhất thiết giữ vai trò quyết định đến mức độ phát triển kinh tế hay thành tựu trong giảm nghèo.

Bảng 2. Một vài chỉ số về kinh tế - xã hội ở 4 điểm nghiên cứu năm 2012

| Xã | Tổng diện tích trồng trọt ³ (ha) | Bình quân đầu người (ha) | Mùa vụ chính | Tỷ lệ nghèo (%) |
|----------|---|--------------------------|--------------------------------|-----------------|
| Krông Na | 1.632 | 0,34 | Lúa, ngô, sắn | 28,9 |
| Ia Dom | 1.956 | 0,27 | Sắn, cao su, cà phê, điều, lúa | 10,4 |
| Thuận An | 617 | 0,07 | Cà phê, sắn, ngô, lúa | 6 |
| Đăk Nông | 693 | 0,2 | Sắn, lúa, cao su | 50,9 |

Nguồn: Kết quả khảo sát thực địa tại 4 xã trong 2013, 2014.

Khảo sát về kinh tế hộ, trong tổng số 294 người trả lời bảng hỏi, tỷ lệ hộ trung bình chiếm chủ đạo, với 56,8%; nghèo chiếm 21,8%; cận nghèo chiếm 10,2%; còn lại là khá và giàu có. Nếu tách riêng theo từng xã, tỷ lệ nghèo trong số người trả lời của Ia Dom và Thuận An là 22,5% và 6,1%

thấp hơn hai xã còn lại, tương thích với số liệu thống kê tỷ lệ nghèo của xã.

Có nhiều nguyên nhân lý giải cho sự phát triển kinh tế hơn ở hai xã Ia Dom và Thuận An bao gồm: vị trí địa lý, cơ cấu cây trồng, chất đất, điều kiện xã hội, cơ sở hạ tầng... Việc nằm

³ Chỉ tính cây lương thực hàng năm.

cạnh hai cửa khẩu, nơi có lượng giao thương hàng hóa lớn mỗi ngày (nhất là Lệ Thanh) đem lại cơ hội việc làm (bóc vác, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ) cho người dân, tạo ra nguồn thu nhập ổn định. Sự phát triển từ khá sớm của cây cao su, cà phê cũng là lợi thế nổi trội của người dân ở đây. Hệ thống giao thông phát triển, mạng lưới thu mua nông sản đến cấp thôn buôn cũng giúp người dân ở Ia Dom và Thuận An dễ dàng bán nông sản ra thị trường hay tìm kiếm giống, mua vật tư nông nghiệp thuận lợi hơn so với ở hai xã còn lại.

Điều kiện kinh tế ổn định hơn đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người dân duy trì quan hệ thăm thân với bạn bè, họ hàng ở bên kia biên giới. Ngoài chi phí đi lại (chừng vài trăm nghìn đồng), theo người dân ở cả 4 điểm nghiên cứu cho biết họ cũng phải bỏ ra một số tiền không nhỏ để mua quà tặng họ hàng mỗi lần thăm viếng hay được thăm viếng (thường là một vài triệu đồng). Điều này được lý giải là mỗi lần đi thăm thân, dự các ngày lễ ở bên kia biên giới, người dân thường đi theo nhóm, hoặc chỉ ít cũng vài thành viên trong gia đình. Họ ăn, ở tại nhà của bà con trong suốt quá trình thăm viếng và vì thế việc tặng quà hay tiền mặt là cần thiết, như là một cách ứng xử “có đi, có lại”, nhất là khi người thân của họ đa phần không được khá giả. Ở chiều ngược lại, đôi khi những người đồng tộc ở bên kia biên giới cũng thường sang thăm thân hay kết hợp khám chữa bệnh tại Việt Nam (phổ biến nhất ở Thuận An) do địa bàn cư trú của họ cách xa trung tâm y tế tại nước sở tại.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy một xu thế phổ biến là mối quan hệ đồng tộc xuyên biên giới thường diễn ra theo hai

chiều. Nghĩa là khi người Gia-rai ở Ia Dom sang thăm họ hàng ở bên Campuchia, dự các ngày lễ, tết thì sau đó một khoảng thời gian nhất định, họ hàng của họ từ bên đó cũng qua thăm lại họ như một hình thức “đáp lễ”. Việc mua quà tặng cũng ngầm ẩn nguyên tắc “tương ứng, tương đương” về giá trị. Nguyên tắc này được nhấn mạnh ở cộng đồng Mnông, Ê-đê và Gia-rai. Chính quan niệm “đi thăm phải có quà” hay “người ta thăm mình thì mình phải thăm lại, đã nhận quà thì phải có quà lại” khiến các hộ nghèo ít có điều kiện qua lại thăm họ hàng hay bạn bè ở bên kia biên giới như bối cảnh ở xã Đăk Nông. Nguyên tắc ứng xử “có đi, có lại” này đã được ghi nhận ở nhiều xã hội khác nhau và đã được nhà nhân học người Pháp Marcel Mauss khái quát trong một công trình kinh điển (Mauss, 2011).

Bên cạnh điều kiện kinh tế, một vài đặc điểm văn hóa cũng có tác động đến mối quan hệ xuyên quốc gia, điển hình nhất qua nghiên cứu này là tôn giáo. Theo số liệu của chính quyền địa phương, khoảng 95% người Mnông ở Thuận An theo Tin Lành - tôn giáo vốn phát triển mạnh từ cuối những năm 1990. Trong hai thôn khảo sát tại địa bàn này, một thôn đã có nhà thờ được xây dựng từ năm 2005 và hoàn thành năm 2010. Ảnh hưởng mạnh mẽ của Tin Lành có thể phần nào nhận diện qua việc người dân lấy tên các nhân vật trong kinh thánh để đặt tên cho con cái. Tin Lành cũng phổ biến ở Ia Dom nhưng tất cả các thôn/bon được khảo sát khác ở đây mới chỉ có nhà nguyện. Trong khi đó, ở Krông Na và Đăk Nông, dấu ấn của Tin Lành không đậm nét như ở Thuận An hay Ia Dom. Dưới góc độ xã hội, Tin Lành là sợi dây gắn kết người dân với không chỉ tín đồ đồng tộc trong xã mà cả với những

tín đồ khác tộc đến từ các địa phương khác, quốc gia khác. Mỗi quan hệ này được củng cố qua các sinh hoạt tôn giáo vốn diễn ra thường xuyên, dưới nhiều cấp độ, hình thức khác nhau. Một vài hộ ở thôn Bu Đăk (Thuận An) đã được giáo hội của họ hỗ trợ kinh phí sang Mỹ thăm thân một vài lần chỉ trong 2 - 3 năm trở lại đây.

3.4. Chính sách vùng biên

Nghị định 34/2000/NĐ-CP về “*Quy chế biên giới đất liền*” đã tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý vùng biên. Trước đó, việc hoàn thành cắm mốc biên giới cũng có vai trò quan trọng trong việc phân định ranh giới, khu dân cư. Hiệp ước biên giới quốc gia giữa Việt Nam - Lào ký kết năm 1977, xác định công dân cư trú trên lãnh thổ nước nào mang quốc tịch nước ấy. Điều này lý giải vì sao nhiều người Giê-Triêng ở xã Đăk Nông có bà con họ hàng ở bên kia biên giới dù họ từng sống gần nhau trong hàng thế kỷ. Quy chế Biên giới Việt Nam - Campuchia được ký kết năm 1983. Ở cấp độ địa phương, các tỉnh vùng biên cũng chủ động xây dựng những chính sách hợp tác mà pháp luật cho phép như thỏa thuận giữa hai tỉnh Đăk Lăk và Mondulakiri được ký kết vào năm 2005.

Theo chính sách chung của Chính phủ Việt Nam, cũng như căn cứ theo thỏa thuận giữa Việt Nam với Lào và Campuchia, việc qua lại biên giới với mục đích thăm thân, thậm chí là làm ăn của người dân cư trú trong vùng biên giới được tạo điều kiện thuận lợi. Người dân chỉ cần lấy giấy chứng nhận của xã rồi xuất trình với cửa khẩu/đồn biên phòng là có thể qua biên giới, thăm thân trong khu vực biên giới mà không nhất

thiết phải làm hộ chiếu. Thêm vào đó, hệ thống cơ sở hạ tầng được nâng cấp cũng là nhân tố quan trọng giúp việc đi lại của người dân được thuận tiện, điển hình là ở Ia Dom và Thuận An. Chính sách dường như là yếu tố duy nhất không có sự khác biệt đáng kể nào ở cả 4 điểm nghiên cứu khi hầu hết người dân đều thừa nhận thủ tục qua lại biên giới rất thuận tiện, đơn giản và họ không gặp bất cứ trở ngại nào về mặt hành chính khi muốn đi thăm thân, hoặc khi muốn mời người thân qua Việt Nam chơi.

3.5. Rủi ro tiềm ẩn

Quan sát và ghi nhận nhanh từ thực địa cho thấy mối quan hệ xuyên biên giới đang tiềm ẩn những rủi ro có thể gây bất ổn xã hội, an ninh quốc phòng. Điều này thể hiện rõ ở nạn khai thác, vận chuyển gỗ trái phép từ Campuchia về Việt Nam và sự can thiệp của các thế lực phản động từ một số “nước thứ ba” nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc.

Khá nhiều người dân ở khu vực biên giới tham gia vào việc vận chuyển, khai thác gỗ trái phép, đặc biệt ở xã Ia Dom. Lợi thế về việc có người bà con ở bên kia biên giới, sự am hiểu địa hình, đường tắt cộng với lợi nhuận kinh tế cao, hầu hết nam thanh niên trong xã thường xuyên đi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép từ Campuchia về Việt Nam. Họ thường cải biến xe máy thành xe chở gỗ chuyên dụng, đi theo đường tắt nhằm tránh lực lượng chức năng ở cửa khẩu Lê Thanh. Quan sát thực địa cho thấy có hàng trăm chiếc xe dạng này ở mỗi thôn, thậm chí ngay đầu thôn có vài cửa hàng chuyên sửa chữa, bảo dưỡng, cải biến xe máy thành xe chở gỗ. Máu đã đổ, một vài tai nạn chết

người đã diễn ra⁴. Rủi ro được dự báo sẽ không ngừng gia tăng, nhất là khi sau vận chuyển gỗ trái phép sẽ là vận chuyển các loại hàng hoá phi pháp khác.

Theo báo cáo của chính quyền địa phương, việc chặt phá, xâm lấn tài nguyên rừng giữa người dân ở hai phía đường biên chưa được kiểm soát triệt để ở cả 4 điểm nghiên cứu. Điều này xuất phát từ tập quán canh tác, đặc điểm tự nhiên và đôi khi là sự lơ là, buông lỏng quản lý ở cấp xã. Bên cạnh đó, có dấu hiệu về sự tồn tại của mạng lưới ở nước ngoài đang âm thầm cấu kết với một số đối tượng trong nước, lợi dụng việc thăm thân để tuyên truyền, lôi kéo người dân rời bỏ quê hương. Điển hình là ở xã Ia Dom, khi lực lượng chức năng đã bắt được nhiều đĩa video ca ngợi sự giàu có của những “miền đất hứa”, vẽ ra viễn cảnh của một cuộc sống an nhàn, sung túc mà không cần phải lao động vất vả.

Kết luận

Bài viết này đã chỉ ra sự khác biệt của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử tộc người và tác động của sự khác biệt này đối với mối quan hệ xuyên quốc gia tại 4 điểm nghiên cứu⁵. Những yếu tố này ở hai xã Ia Dom và Thuận An đóng vai trò rõ rệt hơn, giúp người dân duy trì mối quan hệ với đồng tộc ở bên kia biên giới một cách thường xuyên hơn so với ở Đắk Nông và Krông Na. Trong 3 yếu tố này, điều kiện tự nhiên và lịch sử tộc người đóng vai trò nổi

trội hơn, thúc đẩy mối quan hệ xuyên biên giới. Chiều quan hệ chủ yếu là từ phía Việt Nam sang Lào, Campuchia, trong khi chiều ngược lại mờ nhạt hơn. Đặc điểm của mối quan hệ chủ yếu diễn ra ở phạm vi gia đình, có tần suất thấp (1 - 2 lần/năm) và tính chất mối quan hệ nặng về duy trì quan hệ họ hàng, đồng tộc thông qua việc thăm thân. Bên cạnh những tác động tích cực, sự gần gũi về địa lý, thuận lợi về giao thông, các điều kiện tự nhiên khác cũng dẫn đến những tác động tiêu cực tiềm ẩn về an ninh quốc phòng cho mối quan hệ xuyên biên giới của các tộc người tại chỗ.

Những hạn chế về nguồn lực khiến nghiên cứu này là mới chỉ tiến hành điều tra thực địa ở phía Việt Nam mà chưa có điều kiện tiến hành nghiên cứu ở phía bên kia biên giới. Nghiên cứu cũng chưa có điều kiện phỏng vấn những người nước ngoài sang thăm thân, làm việc tại Việt Nam để so sánh, đối chiếu. Đây là vấn đề đặt ra cho những nghiên cứu về lĩnh vực này trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Bann, Camille (1997), “An Economic Analysis of Tropical Forest Land Use Options, Ratanakiri Province, Cambodia”, *Economic and Environment Development for Southeast Asi*, IDRC, Singapore.
2. Dournes, Jacquec (2002), *Miền đất huyền ảo*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Mauss, Marcel (2011), *Luận về biếu tặng: Hình thức và lý do của sự trao đổi trong các xã hội cổ sơ* (Nguyễn Tùng dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội (Bản gốc: *Essai sur le don. Forme et raison de l'échange dans les*

⁴ Ngay tại thời điểm nhóm nghiên cứu đang khảo sát tại thôn Móc Đen 1, một người chở gỗ lậu theo đường mòn đã bị tai nạn và tử vong.

⁵ Hầu như không có khác biệt đáng kể về mặt chính sách.

sociétés primitives, in lần đầu trong tập san L'Année sociologique, 1923-1924).

4. Newman, David and Annsi Paasi (1998), "Fences and neighbours in the postmodern world: boundary narratives in political geography", *Progress in Human Geography*, Pp. 186-207.

5. Hoàng Quang Thành (2007), "Di đồng văn hóa và sự tác động qua lại của một tộc người sống ở biên giới", trong: nhiều tác

giả, *Những công trình nghiên cứu dân tộc học ở Vân Nam*, Viện Văn hóa thông tin - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

6. Van Houtum, Henk (2002), "An overview of European Geographical Research on Borders and Border Regions", *Journal of Broadlands Studies*, Pp. 47-56.

7. Waddington, R. (2002), *The Mnung People*, The Peoples of the World Foundation. [Http://www.peoplesoftheworld.org/text?people=Mnung](http://www.peoplesoftheworld.org/text?people=Mnung).



Thu hoạch cà phê của người Mnung ở xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông

Ảnh: Trần Minh Hằng